

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 685/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1029/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa xét xử ngày 08 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa xét xử ngày 09 tháng 8 năm 2021, Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa xét xử ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Ngọc H**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh H**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: khu phố X, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Phan Thị Ngọc H có mặt, ông Nguyễn Minh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 9 năm 2020, bản tự khai ngày 20 tháng 10 năm 2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh H bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức đám cưới do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 06/11/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Đến tháng 8 năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H thường xuyên ăn nhậu, về đến nhà thì vợ chồng xảy ra cãi vã, ông H có đánh đập bà nhưng không thường xuyên, không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Minh H, sinh ngày 08/01/2017. Hiện nay trẻ H đang ở cùng bà và do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ H; bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 11 năm 2020, bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

Ông và bà Phan Thị Ngọc H bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức đám cưới do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15/11/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn xảy ra. Đến tháng 8 năm 2017, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bà H nghi ngờ ông có tình cảm với người phụ nữ khác. Đến tháng 8 năm 2019, ông phát hiện bà H có quan hệ tình cảm không trong sáng với người đàn ông khác. Ông và bà H đã sống ly thân hơn hai tháng nay. Ông đồng ý tha thứ lỗi lầm của vợ để hai vợ chồng về chung sống nhưng bà H không đồng ý mà nhất quyết đòi ly hôn. Nếu bà H nhất quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Minh H, sinh ngày 08/01/2017. Hiện nay trẻ H đang do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng vì con mến mẹ. Nếu được thì ông sẽ nuôi con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thị Ngọc H khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Minh H, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Minh H có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc H và ông Nguyễn Minh H có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2015, quyền số: 01/2015, đăng ký ngày 06/11/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Ngọc H: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H xác nhận thời gian đầu bà và ông Nguyễn Minh H chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến tháng 8/2016 thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng bà thường xuyên ăn nhậu, mỗi khi nhậu về thì ông H đánh đập bà vô cớ, khi xảy ra tranh cãi thì ông H cũng đánh đập bà nhiều lần, không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà xác nhận hai bên đã sống ly thân từ tháng 09/2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

[5] Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham dự các phiên hòa giải và các phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do nên ông H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên ông H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, bản tự khai và phần trình bày của bà H tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[6] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

[7] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

[8] Tại phiên tòa hôm nay, ông H vẫn vắng mặt không lý do. Điều này cho thấy ông H không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ và đồng thời cũng chứng minh tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông H đã không còn. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 13/11/2020, ông H có trình bày nếu bà H nhất quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà H.

[9] Theo nội dung tại Công văn số 757/UBND ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì địa phương không nắm rõ tình trạng hôn nhân của bà H và ông H. Nhưng căn cứ vào lời trình bày của bà H và bản tự khai của ông H thì Hội đồng xét xử có căn cứ xác định trong thời gian chung sống giữa bà H và ông H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, xảy ra hành vi đánh đập, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, khiến cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay ông H không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H, còn bà H thì vẫn cương quyết ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của bà H và ông H không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn cho nên cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về con chung: Bà H xác nhận bà và ông H có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Minh H, sinh ngày 08/01/2017. Hiện trẻ H đang do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ H; bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[11] Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[12] Tại bản tự khai ngày 13/11/2020, ông H trình bày nếu được thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ H và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện, khả năng chăm sóc con chung do đó ông đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình. Ngoài ra, theo trình bày của bà H và sự xác nhận tại bản tự khai của ông H thì hiện tại trẻ H đang sống cùng bà H. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện trẻ H đang sống cùng bà H cho nên bà H là người gần gũi con, gần bó với con hơn. Bà H xác nhận bà có đủ khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về điều kiện chăm sóc,

hiện bà H sống cùng gia đình ba mẹ ruột và bà có mở tiệm làm tóc ngay tại nhà nên có điều kiện thuận lợi trong việc chăm sóc con, còn ông H làm tài xế có giờ giấc không cố định, không thường xuyên ở nhà nên sẽ không thể quan tâm, chăm sóc con chu đáo. Mặt khác, tại bản tự khai ông H thừa nhận trẻ H mến mẹ hơn cha. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho trẻ cũng như cho trẻ môi trường phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần thì Hội đồng xét thấy cần tiếp tục giao trẻ Nguyễn Hoàng Minh Huy cho bà H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[13] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; nếu sau này các đương sự có sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[14] Về tài sản chung: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H xác nhận bà và ông H không có tài sản chung. Ông H trình bày tại bản tự khai với nội dung hai bên tự thỏa thuận. Do các bên không có tranh chấp nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết về tài sản chung; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[15] Về nợ chung: Bà H và ông H cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 19, Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc H về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2015, quyền số: 01/2015, đăng ký ngày 06/11/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Phan Thị Ngọc H và ông Nguyễn Minh H có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Minh H, sinh ngày 08/01/2017.

Giao trẻ Nguyễn Hoàng Minh H cho bà Phan Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Minh H.

Ông Nguyễn Minh H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị Ngọc H và ông Nguyễn Minh H không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

1.4. Về nợ chung: Bà Phan Thị Ngọc H và ông Nguyễn Minh H cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Phan Thị Ngọc H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080136 ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Minh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án. (14)



2 000000 163208

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Lê Thị Kim Tuyền**